

-----  
**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA**  
**MÔN HỌC: KINH TẾ VĨ MÔ**  
-----

**Mục tiêu chung của môn học:**

Môn Kinh tế vĩ mô phần cơ sở cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường trên góc độ tổng thể. Nó giải thích cơ chế vận hành của một nền kinh tế, những yếu tố quyết định và có khả năng tác động đến các biến số vĩ mô như: Sản lượng, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá hối đoái hay tình trạng cán cân thanh toán của một quốc gia. Trên cơ sở nắm được nguyên lý hoạt động cũng như các yếu tố có khả năng tác động làm thay đổi các biến số vĩ mô, môn học giới thiệu các chính sách vĩ mô mà chính phủ và ngân hàng trung ương của một nước thường sử dụng để can thiệp vào nền kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu mong muốn. Các chính sách này được sử dụng theo nguyên tắc nào, cơ quan quản lý vĩ mô sử dụng những công cụ gì để can thiệp, và khi sử dụng các chính sách đó có thể đưa đến những tác động tích cực và tiêu cực gì đến nền kinh tế...

**Yêu cầu của môn học:**

Người học sau khi hoàn thành chương trình phải có khả năng giải thích được nguyên lý hoạt động của một nền kinh tế. Có thể phân tích và dự đoán được xu hướng điều chỉnh của nền kinh tế (cụ thể là sự thay đổi của các biến số vĩ mô) khi môi trường kinh tế thay đổi. Ngoài ra phải hiểu và lý giải được các chính sách vĩ mô mà chính phủ và ngân hàng trung ương thực hiện để có những đánh giá và nhận xét phù hợp từ đó giúp đưa ra những quyết định lựa chọn trong kinh tế sáng suốt nhất.

**Tài liệu học tập bao gồm:**

- Giáo trình do trường cung cấp: Kinh tế vĩ mô của tác giả Nguyễn Thái Thảo Vy
- Bài giảng online của trường Đại học Mở TP.HCM
- Slide và bài giảng của Giảng viên khi đi ôn tập (nếu có)
- Ngoài ra người học cũng cần tham khảo thêm những tài liệu môn Kinh tế vĩ mô của các tác giả khác, các câu hỏi trắc nghiệm trên Internet để rèn luyện kỹ năng phân tích và tự đánh giá mức độ tiếp thu môn học

**Lưu ý:**

- Học tập theo nhóm được khuyến khích
- Người học cần ôn lại những khái niệm cơ bản trong kinh tế (ở học phần kinh tế vi mô)
- Ôn tập lại kiến thức phổ thông về hình học và đại số

**Chương 1: Khái quát về Kinh tế vĩ mô**

**1. Nội dung các khái niệm cơ bản cần ôn lại gồm:**

– Quy luật khan hiếm phát biểu điều gì từ đó định nghĩa được Kinh tế học là gì và giải thích Kinh tế học nghiên cứu cái gì.

– Phân biệt Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

– Đường giới hạn khả năng sản xuất có hình dạng và đặc điểm gì? Từ hình dạng và chuyển động trượt lên trượt xuống hay dịch ra dịch vào diễn tả những ý nghĩa kinh tế gồm: sự lựa chọn và đánh đổi, hiệu quả, tăng trưởng ra sao

**2. Xuất phát từ các vấn đề kinh tế mà người ta xây dựng các mục tiêu kinh tế vĩ mô, vậy các vấn đề kinh tế nào chúng ta phải đối mặt?**

**3. Nội dung trọng tâm:** Các mục tiêu của kinh tế vĩ mô

– Phân biệt các mục tiêu chung, tổng quát (gồm: hiệu quả, ổn định, tăng trưởng và công bằng) và các mục tiêu cụ thể, chi tiết trong ngắn hạn (gồm sản lượng, công ăn việc làm, ổn định giá cả và cân bằng cán cân thanh toán).

– Các mục tiêu này được phát biểu ra sao? Diễn tả mục tiêu này trên đồ thị như thế nào và những dấu hiệu nào cho biết đã đạt được mục tiêu? Những cặp mục tiêu nào có thể mâu thuẫn với nhau dẫn đến việc phải đánh đổi?

– Thứ tự ưu tiên của các mục tiêu

**4. Các công cụ của kinh tế vĩ mô:**

– Các công cụ của kinh tế vĩ mô gồm: Chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế đối ngoại. Thực hiện các công cụ này bằng cách nào? Ai là người thực hiện?

**5. Phân biệt 4 thị trường vĩ mô:**

Tên thị trường	Hàng hóa của thị trường	Yếu tố quyết định thị trường	Biểu hiện giá của hàng hóa	Các yếu tố được xác định khi TT cân bằng
1. Thị trường hàng hóa dịch vụ	Hàng hóa dịch vụ	Tổng cung và Tổng cầu hàng hóa	Mức giá chung	- Mức giá cân bằng - Sản lượng cân bằng
2. Thị trường lao động	Lao động	Cung và cầu lao động	Tiền lương	- Tiền lương cân bằng - Số LĐ có việc làm
3. Thị trường tiền tệ	Tiền	Cung và cầu tiền	Lãi suất	- Lãi suất cân bằng
4. Thị trường ngoại hối	Ngoại tệ	Cung và cầu ngoại tệ	Tỷ giá hối đoái	- Tỷ giá cân bằng - Lượng ngoại tệ giao dịch

**Chương 2: Đo lường sản lượng quốc gia**

## **1. Các nhà kinh tế định nghĩa sản lượng hay thu nhập của quốc gia là gì? Tính toán nó bằng cách nào và sử dụng chỉ tiêu này cho những mục đích nào?**

- Cần phân biệt chỉ tiêu GDP và GNP (hoặc GNI), hai chỉ tiêu này mang ý nghĩa kinh tế khác nhau ra sao?
- Phân biệt hàng hóa trung gian và hàng hóa cuối cùng. Tại sao khi tính GDP/GNP người ta chỉ tính hàng hóa cuối cùng mà không được phép tính hàng hóa trung gian?
- Các khái niệm trong kinh tế cần nắm vững: Tiêu dùng C, vốn hay tư bản K, đầu tư tư nhân I, chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ của chính phủ G, chi chuyển nhượng, xuất khẩu ròng NX.
- Phân biệt thuế trực thu và thuế gián thu, giải thích tại sao khi tính GDP theo phương pháp thu nhập chỉ tính thuế gián thu trong phần thu nhập của chính phủ. Hiểu chính xác khái niệm chi phí trung gian của doanh nghiệp gồm những khoản nào: cần phân biệt chi phí đầu vào và chi phí đầu vào mua ngoài
- Để xác định mức giá chung của nền kinh tế, các nhà kinh tế sử dụng chỉ tiêu chỉ số giá cả. Chỉ số giá được xác định ra sao? Phân biệt chỉ số điều chỉnh lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng. Những điểm lưu ý khi xác định chỉ số giá.
- Phải biết sử dụng các công thức để tính GNP, GDP thực tế, tỷ lệ lạm phát, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

## **2. Những hạn chế của chỉ số GDP**

- Tại sao người ta phê phán là GDP không thể hiện được nhiều mặt của cuộc sống: chất lượng sống, trình độ nền kinh tế, mục đích sản xuất, cách phân chia của cải...?
- GDP đã bỏ sót những hoạt động kinh tế nào?

## **Chương 3: Lý thuyết xác định sản lượng cân bằng**

Nội dung nghiên cứu của chương này nhằm trả lời 3 câu hỏi: Yếu tố nào quyết định mức sản lượng của nền kinh tế? Có thể và có nên can thiệp vào nền kinh tế thị trường không? Can thiệp bằng cách tác động vào đâu?

### **1. Để trả lời câu hỏi điều gì quyết định mức sản lượng của một quốc gia có hai quan điểm lý thuyết khác nhau: Lý thuyết cổ điển và lý thuyết của J.M. Keynes**

- Đầu tiên phải phân biệt khái niệm ngắn hạn và dài hạn trong kinh tế vĩ mô, căn cứ vào đâu để phân biệt ngắn và dài hạn
- Hai lý thuyết này phát biểu về yếu tố quyết định sản lượng là gì? Diễn tả trên đồ thị tổng cung tổng cầu ra sao?
- Giải thích được ý nghĩa hình dạng đường tổng cung của hai quan điểm: Tại sao đường tổng cung của lý thuyết cổ điển thẳng đứng tại mức sản lượng tiềm năng còn đường tổng cung của J.M. Keynes lại nằm ngang tại mức giá thị trường?
- Các nhà kinh tế đã sử dụng 2 quan điểm lý thuyết trên để giải thích sự điều chỉnh của nền kinh tế trong ngắn hạn và trong dài hạn ra sao: Trong ngắn hạn tổng cầu sẽ quyết định sản lượng còn trong dài hạn mức sản lượng tiềm năng sẽ quyết định sản lượng. Từ kết luận này có thể phân

biệt được các chính sách ngắn hạn để điều chỉnh tổng cầu và chính sách dài hạn tác động đến mức tiềm năng.

## 2. Cách xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn với giả định chỉ có 2 khu vực hoạt động là hộ gia đình và doanh nghiệp

– Người học cần thuộc lòng những giả định của mô hình để tránh những mâu thuẫn có thể phát sinh trong quá trình phân tích. Ví dụ: giả định trong ngắn hạn tổng cầu sẽ quyết định sản lượng,  $Y = Y_d$ , đầu tư chỉ gồm đầu tư ròng, mức tiềm năng không đổi...

– **Vấn đề quan trọng: trong ngắn hạn tổng cầu sẽ quyết định sản lượng.** Do đó hướng nghiên cứu tiếp theo sẽ trả lời cho các câu hỏi: Tổng cầu gồm những gì, cái gì quyết định các yếu tố cấu thành tổng cầu, muốn điều chỉnh tổng cầu để đạt được mục tiêu về sản lượng, việc làm... thì cần tác động vào đâu, khi tổng cầu thay đổi sẽ làm sản lượng cân bằng thay đổi theo cơ chế số nhân ra sao.

– Để hiểu các yếu tố cấu thành tổng cầu được biểu diễn bằng các hàm số và đường biểu diễn trên đồ thị, người học cần nắm vững những điều cơ bản sau đây:

+ Biến số  $Y_d$  sẽ quyết định tiêu dùng và tiết kiệm còn biến  $Y$  sẽ quyết định đầu tư. Trong mô hình giản đơn thì  $Y = Y_d$

+ Ý nghĩa của các tham số trong các hàm  $C$ ,  $S$ ,  $I$ : Tiêu dùng hay đầu tư tự định mang ý nghĩa gì, xu hướng tiêu dùng biên (gọi tắt là tiêu dùng biên), tiết kiệm biên, đầu tư biên mang ý nghĩa gì?

+ Đường biểu diễn các hàm này có hình dạng ra sao, độ dốc của đường biểu diễn thể hiện tham số nào

– Khi tổng cầu thay đổi sẽ làm sản lượng thay đổi theo bội số, cần phải định tính và định lượng được điều này.

+ Tại sao khi chi tiêu (tổng cầu) thay đổi 1 đơn vị lại làm cho sản lượng cân bằng của nền KT thay đổi một lượng gấp bội là  $k$  đơn vị?

+ Công thức tính số nhân  $k$  ra sao

## 3. Phần bài tập: người học cần nắm vững

– Mối quan hệ giữa tiêu dùng và tiết kiệm, nguyên tắc quy đổi từ hàm tiêu dùng qua hàm tiết kiệm và ngược lại, từ tiêu dùng biên ra tiết kiệm biên

– Với các yếu tố của tổng cầu đã cho trước, làm sao để tính được sản lượng cân bằng: Để làm được điều này phải căn cứ vào 2 điều kiện: (1) Sản lượng cân bằng khi tổng cung = tổng cầu, cụ thể là nền kinh tế sẽ sản xuất hay điều chỉnh sản lượng về mức bằng với tổng cầu, ta sẽ giải bài toán  $Y = C + I$ . (2) Nền kinh tế cũng sẽ cân bằng theo mô hình “bơm vào – rút ra” cụ thể là nếu hộ gia đình giữ lại không chi tiêu bao nhiêu (phần tiết kiệm này được coi là phần rút ra hay rò rỉ) mà doanh nghiệp sẽ vay mượn số tiền này để đưa vào chi tiêu cho đầu tư bấy nhiêu (đầu tư coi là phần bơm vào) thì nền KT cũng cân bằng. Như vậy ta sẽ phải giải bài toán  $S = I$ .

– Sử dụng công thức số nhân để xác định khi chi tiêu hay tổng cầu thay đổi sẽ làm sản lượng thay đổi bao nhiêu theo công thức  $\Delta Y = k \cdot \Delta AD$

**4. Từ mô hình số nhân, phát biểu về nghịch lý của tiết kiệm được giải thích thế nào, thông qua nghịch lý tiết kiệm các nhà kinh tế muốn nói điều gì**

**5. Phân biệt giữa khái niệm “thực tế” và “dự kiến”**

#### **Chương 4: Tổng cầu và cân bằng của nền kinh tế mở**

Chương này sẽ mở rộng phân tích tổng cầu từ mô hình nền kinh tế giản đơn (chỉ 2 khu vực hộ gia đình và doanh nghiệp) sang mô hình nền kinh tế đóng (bổ sung sự tham gia của chính phủ) rồi tới mô hình nền kinh tế mở (có khu vực nước ngoài).

**1.** Người học cần hiểu rõ cơ chế tham gia hay tác động của khu vực chính phủ và khu vực nước ngoài đến tổng cầu, cụ thể là hoạt động chi tiêu của chính phủ và xuất khẩu hàng hóa cho nước ngoài làm cho tổng cầu tăng, còn hoạt động đánh thuế của chính phủ và nhập khẩu từ nước ngoài làm cho tổng cầu giảm.

**2.** Phải nắm vững các hàm số diễn tả các yếu tố tác động đến tổng cầu gồm: hàm chi tiêu cho hàng hóa dịch vụ của chính phủ, hàm thuế ròng, hàm ngân sách, hàm xuất khẩu, hàm nhập khẩu, hàm xuất khẩu ròng. Những tham số tự định hay tham số biên trong các hàm này diễn tả điều gì? Trong các yếu tố tác động đến tổng cầu thì yếu tố  $G$ ,  $X$  có mối quan hệ độc lập với sản lượng còn thuế ròng và nhập khẩu phụ thuộc vào sản lượng hay thu nhập trong nước.

**3.** Phân bài tập:

– Nắm vững kỹ năng sử dụng các công thức về điều kiện cân bằng và số nhân của nền kinh tế đóng, nền kinh tế mở để xác định mức sản lượng cân bằng, mức sản lượng thay đổi khi tổng cầu thay đổi, xác định trạng thái của cán cân ngân sách và cán cân thương mại. Các phương pháp xác định về nguyên tắc giống như mô hình giản đơn, chỉ khác là công thức có bổ sung thêm các nhân tố mới.

– Lưu ý: Trong nền kinh tế đóng hay mở có sự tham gia của chính phủ nên  $Y$  và  $Y_d$  không còn bằng nhau, có nghĩa là trong phương trình tính sản lượng sẽ có 2 biến là  $Y$  và  $Y_d$ . Để đưa về phương trình với 1 ẩn số ta sử dụng công thức quy đổi  $Y_d = Y - \text{thuế ròng}$

#### **Chương 5: Thị trường tiền tệ**

##### **1. Thị trường tiền tệ**

– Người học cần nắm vững các yếu tố quyết định mức cầu tiền thông qua 3 mục đích cầu tiền từ đó phân biệt được cầu tiền giao dịch và dự trữ và cầu tiền đầu cơ.

– Hiểu rõ khái niệm cung tiền thông qua mức cung tiền giao dịch (ký hiệu  $M1$ ). Tại sao đường cung tiền có hình dạng thẳng đứng? Phân biệt giữa cung tiền danh nghĩa và cung tiền thực tế

– Thông qua tương tác giữa cung tiền và cầu tiền sẽ hình thành lãi suất danh nghĩa cân bằng của thị trường ra sao? Khi cầu tiền hoặc cung tiền thay đổi sẽ làm lãi suất thay đổi theo nguyên tắc nào?

##### **2. Ngân hàng**

– Hệ thống ngân hàng 2 cấp với chức năng của mỗi cấp là gì?

– Người học cần hiểu rõ cơ chế tạo tiền của hệ thống ngân hàng: từ lượng tiền cơ sở ban đầu do Ngân hàng trung ương đưa ra, các ngân hàng trung gian tham gia tạo tiền từ tài khoản có thể sử dụng séc như thế nào? lượng cung tiền giao dịch M1 được tạo ra phụ thuộc vào các yếu tố gì?

– Biết sử dụng các công thức để tính số nhân tiền tệ, cung tiền M1, tiền mặt trong lưu thông, tiền từ tài khoản có thể sử dụng séc ...

## **Chương 6: Thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán**

### **1. Cán cân thanh toán**

– Người học cần biết cách ghi chép các nội dung cụ thể vào 4 khoản mục trong cán cân thanh toán gồm: tài khoản vãng lai, tài khoản vốn và tài chính, phần sai số thống kê và phần phân tài trợ chính thức.

– Phải giải đáp được câu hỏi: tại sao trong cơ chế tỷ giá thả nổi hoàn toàn thì phần tài trợ chính thức trong cán cân thanh toán luôn bằng không còn trong cơ chế tỷ giá có sự can thiệp thì phần tài trợ chính thức luôn có giá trị bằng nhưng ngược dấu với 3 khoản mục trên

– Phải phân tích được các thay đổi của tỷ giá, lãi suất nội tệ và ngoại tệ, thu nhập trong nước và nước ngoài, thay đổi chính sách sẽ tác động đến cán cân thanh toán làm nó xấu đi hay được cải thiện

### **2. Thị trường ngoại hối**

– Trước tiên phải nắm rõ quy ước về tỷ giá: tỷ giá E là giá ngoại tệ từ đó hàng hóa trên thị trường ngoại hối là ngoại tệ và thị trường ngoại hối phụ thuộc vào cung và cầu ngoại tệ.

– Người học phải biết cái gì sẽ quyết định cung và cầu ngoại tệ, tỷ giá thị trường được xác định tại điểm cân bằng cung cầu ngoại tệ ra sao? Phải giải thích được tại sao tỷ giá thay đổi (tăng hay giảm)?

– Phân biệt tỷ giá danh nghĩa và tỷ giá thực tế, cách xác định tỷ giá thực tế từ tỷ giá danh nghĩa và ý nghĩa của chỉ tiêu này

– Các cơ chế điều hành tỷ giá có đặc điểm gì?

– Phải nắm được nguyên tắc can thiệp của ngân hàng trung ương trong cơ chế tỷ giá cố định: Tỷ giá cố định quy định cao hay thấp hơn tỷ giá thị trường thì được coi là tự đánh giá cao (hay thấp) đồng nội tệ? Để duy trì mức tỷ giá cố định thì trường hợp nào ngân hàng trung ương phải mua (hay bán) ngoại tệ để duy trì tỷ giá không đổi? Tại sao tỷ giá cố định không thể duy trì mãi?

## **Chương 7: Mô hình Tổng cung – Tổng cầu**

### **1. Tổng cung**

– Người học phải giải thích và phân biệt được hình dạng của đường Tổng cung (AS) ngắn hạn và dài hạn:

+ Tại sao đường AS ngắn hạn có độ dốc lên không đều?

+ Đường AS dài hạn thẳng đứng đứng tại mức sản lượng tiềm năng thể hiện điều gì? Cơ chế nào để nền kinh tế tự điều chỉnh về sản lượng tiềm năng trong dài hạn

– Cái gì gây ra chuyển động di chuyển hay trượt dọc trên đường AS? Nguyên tắc phân tích: khi nào trượt lên khi nào trượt xuống và di chuyển thể hiện ý nghĩa gì?

– Cái gì gây ra chuyển động dịch chuyển của cả đường AS? Nguyên tắc phân tích: khi nào dịch trái, khi nào dịch phải và dịch phải hay trái chuyển thể hiện ý nghĩa gì?

## 2. Tổng cầu

– Hình dạng đường Tổng cầu (AD) dốc xuống được giải thích là do những hiệu ứng nào?

– Cái gì gây ra chuyển động di chuyển hay trượt dọc trên đường AD? Nguyên tắc phân tích: khi nào trượt lên khi nào trượt xuống và di chuyển thể hiện ý nghĩa gì?

– Cái gì gây ra chuyển động dịch chuyển của cả đường AD? Nguyên tắc phân tích: khi nào dịch trái, khi nào dịch phải và dịch phải hay trái chuyển thể hiện ý nghĩa gì?

## 3. Mô hình Tổng cung – Tổng cầu (AS-AD model)

– Người học phải biết sử dụng mô hình AS-AD để giải thích cơ chế hình thành sản lượng và mức giá cân bằng của quốc gia, trả lời được câu hỏi: cái gì làm cho giá cả thị trường và sản lượng quốc gia thay đổi, nguyên tắc phân tích thay đổi ra sao?

– Biết sử dụng mô hình để phân tích các chính sách và đưa ra các dự báo khi môi trường kinh tế có sự thay đổi

– Cần phân biệt: trong ngắn hạn thì tác động của giá đến Tổng cung không đều khi nền kinh tế ở các tình trạng suy thoái, ở mức tiềm năng hay đã vượt mức tiềm năng (còn gọi là phát đạt hay bùng nổ). Từ đây phân biệt sự thay đổi của giá và sản lượng thay đổi khác nhau khi Tổng cầu thay đổi khi kinh tế ở các trạng thái khác nhau ra sao.

## Chương 8: Chính sách kinh tế vĩ mô

### 1. Chính sách Tài khóa

– Ngân sách chính phủ: được diễn tả dưới dạng hàm số ra sao? Các trạng thái của ngân sách? Các yếu tố nào quyết định tình trạng ngân sách? Có phải lúc nào cũng nên nỗ lực để cân bằng ngân sách hay không?

– Các công cụ của chính sách tài khóa: Phân biệt giữa công cụ tự ổn định và chính sách tài khóa chủ động

– Nguyên tắc sử dụng chính sách: khi nào mở rộng, khi nào thắt chặt chính sách tài khóa

– Chính sách tài khóa có những hạn chế gì? Tại sao người ta phê phán chính sách thiếu chính xác và kém hiệu quả. Khái niệm “độ trễ” là gì?

– **Phần bài tập tính toán liều lượng của chính sách:** Các bài toán trong chương này đều nhằm giải quyết câu hỏi là cần thay đổi chi tiêu hoặc thuế ròng bao nhiêu để đưa sản lượng về mức tiềm năng. Để làm tốt người học phải biết cách:

+ Xác định sản lượng cân bằng qua công thức cân bằng, cán cân ngân sách, cán cân thương mại. Cách biến đổi các công thức này.

+ Nguyên tắc sử dụng: Khi nào cần tăng chi tiêu hay giảm thuế và ngược lại

- + Nắm rõ công thức thể hiện cơ chế tác động của chi tiêu chính phủ và thuế ròng đến tổng cầu và qua đó đến sản lượng cân bằng
- + Nếu cả chi tiêu và thuế ròng cùng tăng (hay giảm) một lượng như nhau thì Tổng cầu và sản lượng sẽ tăng (hay giảm) bao nhiêu

## 2. Chính sách Tiền tệ

- Ai điều hành chính sách tiền tệ: Chính phủ hay ngân hàng trung ương?
- Sử dụng 3 công cụ để thực hiện chính sách tiền tệ như thế nào: 3 công cụ này là gì? Cơ chế tác động đến cung tiền thông qua việc làm thay đổi số nhân tiền hay cơ số tiền?
- Bài tập về tiền tệ thường có các yêu cầu:
  - + Tính lượng cung tiền giao dịch  $M1$  (thường sử dụng 2 công thức cơ bản là  $M1 = k^M H$  và  $k^M = (m+1)/(m+d)$ )
  - + Tính lãi suất cân bằng của TT tiền tệ (được xác định khi cho cung tiền – cầu tiền)
  - + Tính mức thay đổi của cung tiền khi sử dụng 1 liều lượng các công cụ để can thiệp (thể hiện là  $k^M$  hoặc cơ số tiền  $H$  thay đổi sẽ làm  $M1$  thay đổi bao nhiêu)

## 3. Chính sách can thiệp vào tỷ giá: tập trung vào 2 chính sách can thiệp làm cho đồng nội tệ xuống giá hoặc lên giá

- Khi nội tệ xuống giá (hoặc lên giá) sẽ có tác động ra sao (đến xuất nhập khẩu, cán cân thương mại, giá máy móc nguyên liệu nhập khẩu...) để hiểu được mục tiêu của chính sách
- Can thiệp bằng cách nào để nội tệ xuống giá (hoặc lên giá)
- Những hậu quả có thể xảy ra khi sử dụng các chính sách này là gì?
- Phần bài tập: chủ yếu tính tỷ giá cân bằng (khi cho cung và cầu ngoại tệ bằng nhau), lượng ngoại tệ dư hay thiếu ở mức tỷ giá cố định, cán cân thương mại sẽ thặng dư hay thâm hụt bao nhiêu

## Chương 9: Lạm phát – Thất nghiệp

### 1. Lạm phát

- Phân biệt nguyên nhân và sự tác động khác nhau của các loại lạm phát: cầu kéo, chi phí đẩy, quán tính (hay dự kiến) đến sản lượng và việc làm. Cần lưu ý là mọi loại lạm phát về bản chất là do tiền nhiều hơn hàng hóa của nền kinh tế
- Tác động của lạm phát cả tích cực và tiêu cực là gì
- Các chính sách để kiềm chế lạm phát có thể dẫn đến sự “đánh đổi” trong kinh tế ra sao? Có phải mọi loại lạm phát đều có chính sách kiềm chế như nhau?
- Bài tập về tính chỉ số giá và tỷ lệ lạm phát cần sử dụng các công thức nào?

### 2. Thất nghiệp

- Người học cần nắm vững khái niệm về lực lượng lao động và thất nghiệp của quốc gia. Cần phân biệt các loại thất nghiệp căn cứ vào nguồn gốc (4 loại) và tính chất (2 loại) của thất nghiệp



- Giải thích được tại sao nền kinh tế luôn tồn tại một tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên và tại sao chúng ta không nỗ lực để triệt tiêu số thất nghiệp này
- Tác hại của thất nghiệp trên các giác độ: nền kinh tế, xã hội hay địa phương, chính phủ, bản thân người thất nghiệp, những người khác đang có việc làm
- Căn cứ vào nguồn gốc gây ra và bản chất của các loại thất nghiệp thì các biện pháp kiềm chế thất nghiệp tương ứng là gì?
- Bài tập tính tỷ lệ thất nghiệp chỉ làm chính xác khi nắm rõ khái niệm thất nghiệp và phân biệt được các loại thất nghiệp

### 3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

- Mối quan hệ này được diễn tả qua đường cong Phillipe ra sao?
- Hình dạng và ý nghĩa của đường cong Phillipe ngắn hạn và dài hạn khác nhau như thế nào
- Biết sử dụng đường cong Phillipe cho việc lựa chọn chính sách

## ĐỀ THI MẪU CHO HỆ ĐTTX MÔN: KINH TẾ VĨ MÔ

**Câu 1:** Một trong những mục tiêu ngắn hạn của kinh tế vĩ mô là:

- |                                    |                                  |
|------------------------------------|----------------------------------|
| a. Triệt tiêu toàn bộ thất nghiệp  | c. Triệt tiêu thất nghiệp chu kỳ |
| b. Triệt tiêu thất nghiệp tự nhiên | d. Giảm bớt thất nghiệp tự nhiên |

**Câu 2:** Mối quan hệ “đánh đổi” trong kinh tế bao hàm ý nghĩa:

- Giảm lạm phát cũng kéo theo giảm thất nghiệp
- Muốn giảm lạm phát phải hy sinh việc làm
- Phải hy sinh sản lượng để giảm thất nghiệp
- Phải hy sinh mục tiêu ngắn hạn để đạt mục tiêu dài hạn

**Câu 3:** Mức sản lượng tiềm năng là mức sản lượng:

- Tối đa quốc gia có thể sản xuất
- Tại đó có tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên bằng không
- Tại đó nếu tăng tổng cầu lạm phát sẽ tăng nhanh
- Tại đó có tỷ lệ thất nghiệp thực tế bằng không

**Câu 4:** Mức sản lượng tiềm năng của nền kinh tế sẽ tăng khi:

- |                                  |                              |
|----------------------------------|------------------------------|
| a. Tỷ lệ thất nghiệp chu kỳ giảm | c. Nguồn lực của nền KT tăng |
| b. Tổng cầu tăng                 | d. Tỷ lệ lạm phát giảm       |

**Câu 5:** Thay đổi nào sau đây sẽ làm đường Tổng cung dịch sang trái:

- |                      |                                |
|----------------------|--------------------------------|
| a. Giá xăng dầu giảm | c. Thị trường dư thừa hàng hóa |
|----------------------|--------------------------------|

- b. Lương nhân công tăng  
d. Sức mua của thị trường giảm

**Câu 6:** Nếu CPI năm 2013 là 150, CPI năm 2014 là 165 thì tỷ lệ lạm phát năm 2014 là:

- a. 10%  
b. 11%  
c. 15%  
d. 65%

**Câu 7:** Hàng hóa trung gian khác hàng hóa cuối cùng ở:

- a. Thời gian sử dụng ngắn hơn  
b. Giá trị thấp hơn  
c. Mục đích sử dụng  
d. Kém bền hơn

**Câu 8:** Chỉ số giá năm 2013 là 125 có nghĩa là:

- a. Tỷ lệ lạm phát năm 2013 là 25%  
b. Giá năm 2013 tăng 25% so với năm gốc  
c. Giá năm 2013 tăng 125% so với 2012  
d. Giá năm 2013 tăng 125% so với năm gốc

**Câu 9:** Nếu GDP danh nghĩa trong năm là 2.000, thu nhập ròng từ nước ngoài NIA = - 100, chỉ số giá trong năm là 120 thì GNP thực tế sẽ bằng:

- a. 1.583,3  
b. 1.666,7  
c. 1.750  
d. 2.520

**Câu 10:** Giá trị gia tăng của doanh nghiệp được tính bằng ... của doanh nghiệp:

- a. Giá trị đầu ra trừ chi phí đầu vào mua ngoài  
b. Giá trị đầu ra trừ chi phí đầu vào  
c. Toàn bộ giá trị đầu ra  
d. Giá trị đầu ra trừ thuế

**Câu 11:** Khoản nào sau đây thể hiện phần bù đắp cho vốn bị mất đi trong quá trình sản xuất:

- a. Đầu tư thay thế cộng đầu tư ròng  
b. Chỉ đầu tư ròng  
c. Tổng đầu tư trừ đầu tư thay thế  
d. Tổng đầu tư trừ đầu tư ròng

**Câu 12:** Xu hướng tiết kiệm biên bằng 0,3 nghĩa là nếu:

- a.  $\Delta Y_d = 0,7$  thì  $\Delta S = 0,3$   
b.  $\Delta Y_d = 0,3$  thì  $\Delta S = 0,7$   
c.  $\Delta Y_d = 1$  thì  $\Delta C = 0,7$   
d.  $\Delta Y_d = 1$  thì  $\Delta C = 0,3$

**Câu 13:** Nghịch lý tiết kiệm cho thấy:

- a. Khi suy thoái giảm tiết kiệm sẽ có lợi  
b. Khi suy thoái tăng tiết kiệm sẽ có lợi  
c. Lúc nào cũng nên tăng tiết kiệm  
d. Tăng tiết kiệm chắc chắn làm tăng đầu tư

**Câu 14:** Nếu chính phủ vừa tăng chi tiêu cho hàng hoá 100 vừa tăng thuế ròng 100 thì:

- a. Tổng cầu sẽ tăng  
b. Tổng cầu sẽ giảm  
c. Tổng cầu sẽ không đổi  
d. Chưa thể xác định được

**Câu 15:** Chính phủ chủ động giảm thâm hụt ngân sách khi kinh tế đang suy thoái sẽ làm cho:

- a. Tổng cung tăng
- b. Tổng cầu tăng
- c. Tăng thêm suy thoái
- d. Giảm thất nghiệp

**Câu 16:** Nếu xu hướng tiêu dùng biên bằng 0,8; đầu tư biên bằng 0,1; nhập khẩu biên bằng 0,14; thuế biên bằng 0,2 thì khi tăng nhập khẩu 100 sẽ làm cho sản lượng:

- a. Giảm 25
- b. Giảm 100
- c. Giảm 250
- d. Giảm 400

**Câu 17:** Theo quan điểm cổ điển thì:

- a. Thất nghiệp tăng khi tổng cầu giảm
- b. Thất nghiệp giảm khi tổng cung tăng
- c. Thất nghiệp luôn duy trì ở mức thất nghiệp tự nhiên
- d. Tỷ lệ thất nghiệp thực tế luôn bằng không

**Câu 18:** Độ dốc của đường tiêu dùng thể hiện:

- a. Mức tiêu dùng tự định
- b. Mức nhạy cảm của tiêu dùng theo lãi suất
- c. Xu hướng tiêu dùng biên
- d. Mức tiêu dùng tối thiểu

**Câu 19:** Tác động “chi tiêu lấn át” hay “hắt ra” xảy ra khi:

- a. Ngân hàng phát hành quá nhiều tiền
- b. Đầu tư tư nhân nhiều hơn chi tiêu của chính phủ
- c. Đầu tư của chính phủ nhiều hơn đầu tư tư nhân
- d. Chính phủ phát hành quá nhiều trái phiếu hay công trái

**Câu 20:** Ngân sách đang thâm hụt 100 tỷ, nếu chính phủ giảm chi tiêu cho hàng hóa 100 tỷ thì:

- a. Ngân sách sẽ cân bằng
- b. Ngân sách vẫn còn thâm hụt
- c. Ngân sách sẽ thặng dư
- d. Chưa đủ thông tin để kết luận về tình trạng ngân sách

**Câu 21:** Nếu hàm tiết kiệm có dạng  $S = -100 + 0,25Y_d$  thì hàm tiêu dùng phải là:

- a.  $C = -100 + 0,75Y_d$
- b.  $C = 100 + 0,25Y_d$
- c.  $C = 100 + 0,75Y_d$
- d.  $C = -100 + 0,25Y_d$

**Câu 22:** Nền kinh tế giản đơn có: Xu hướng tiêu dùng biên 0,8; tiêu dùng tự định 200; đầu tư tự định 300; đầu tư biên bằng không thì sản lượng cân bằng sẽ là:

- a. 500                      b. 2.000                      c. 2.500                      d. 3500

**Câu 23:** Chính sách nào sau đây của Ngân hàng trung ương sẽ làm tăng cơ số tiền H:

- a. Giảm dự trữ bắt buộc                      c. Tăng lãi suất chiết khấu  
b. Mua trái phiếu trên thị trường mở                      d. Bán trái phiếu trên thị trường mở

**Câu 24:** Trong dài hạn, nếu tổng cầu tăng sẽ làm:

- a. Cả giá và sản lượng cùng tăng  
b. Chỉ có sản lượng tăng  
c. Chỉ có giá tăng  
d. Giá và sản lượng đều không đổi

**Câu 25:** Ba cách mà ngân hàng trung ương sử dụng để cùng chống suy thoái là:

- a. Bán trái phiếu chính phủ, giảm dự trữ bắt buộc, giảm lãi suất chiết khấu  
b. Bán trái phiếu chính phủ, giảm dự trữ bắt buộc, tăng lãi suất chiết khấu  
c. Mua trái phiếu chính phủ, tăng dự trữ bắt buộc, giảm lãi suất chiết khấu  
d. Mua trái phiếu chính phủ, giảm dự trữ bắt buộc, giảm lãi suất chiết khấu

**Câu 26:** Trường hợp nào sau đây sẽ làm tăng lãi suất trên thị trường tiền tệ:

- a. GDP thực tế tăng                      c. Tăng mức cung tiền  
b. GDP thực tế giảm                      d. Ngân hàng trung ương mua trái phiếu

**Câu 27:** Nếu cơ số tiền là 100.000 tỷ, tỷ lệ dự trữ chung của các ngân hàng là 10%, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ngân hàng là 20% thì lượng cung tiền giao dịch ( $M_1$ ) là:

- a. 300.000 tỷ                      c. 500.000 tỷ  
b. 400.000 tỷ                      d. 600.000 tỷ

**Câu 28:** Giả sử tiền mặt trong lưu thông là 60 tỷ đồng, số tiền mặt dự trữ trong các ngân hàng là 30 tỷ, tỷ lệ dự trữ chung của các ngân hàng là 10%, tỷ lệ tiền mặt dân chúng nắm giữ so với tiền ký thác là 50% thì lượng tiền cơ số là:

- a. 60 tỷ                      c. 120 tỷ  
b. 90 tỷ                      d. 180 tỷ

**Câu 29:** Giả sử tiền mặt trong lưu thông là 60 tỷ đồng, số tiền mặt dự trữ trong các ngân hàng là 30 tỷ, tỷ lệ dự trữ chung của các ngân hàng là 10%, tỷ lệ tiền mặt dân chúng nắm giữ so với tiền ký thác là 50% thì số nhân tiền tệ tổng quát  $k^M$  bằng:

- a. 3,5                      c. 5  
b. 2,5                      d. 10

**Câu 30:** Sản lượng trong nước tăng trong điều kiện các yếu tố khác không đổi có xu hướng làm:

- a. Cán cân thương mại xấu đi  
b. Cán cân thương mại được cải thiện

- c. Không ảnh hưởng đến cán cân thương mại
- d. Cán cân thương mại có thể xấu đi cũng có thể được cải thiện

**Câu 31:** Nếu không có các chi phí nào khác thì số tiền \$5.000 một nông dân Việt Nam bỏ ra mua máy cày của Nhật Bản sẽ được hạch toán vào GDP theo phương pháp chi tiêu là:

- a. Không được hạch toán vì đây là hàng hóa nước ngoài sản xuất
- b. Tiêu dùng tăng \$5.000 và xuất khẩu ròng giảm \$5.000
- c. Đầu tư tăng \$5.000 và nhập khẩu tăng \$5.000
- d. Tiêu dùng tăng \$5.000 và xuất khẩu ròng tăng \$5.000

**Câu 32:** Đặc điểm của các khoản chi tiêu tự định là:

- a. Đồng biến với sản lượng
- b. Độc lập với sản lượng
- c. Nghịch biến với sản lượng
- d. Không thay đổi

**Câu 33** Cung tiền danh nghĩa của quốc gia là 100 tỷ, GDP danh nghĩa là 800 tỷ và GDP thực là 200 tỷ. Mức giá và tốc độ lưu thông tiền tệ của quốc gia là:

- a. Mức giá và tốc độ lưu thông tiền tệ đều là 8
- b. Mức giá là 8 và tốc độ lưu thông tiền tệ là 4
- c. Mức giá là 4 và tốc độ lưu thông tiền tệ là 8
- d. Mức giá và tốc độ lưu thông tiền tệ đều là 4

**Câu 34:** Đường cung tiền biểu diễn trên đồ thị có đặc điểm:

- a. Nghịch biến với lãi suất
- b. Đồng biến với lãi suất
- c. Độc lập với lãi suất
- d. Nằm ngang

**Câu 35:** Chi tiêu cho hàng hóa dịch vụ và thuế ròng của chính phủ trong ngắn hạn có đặc điểm:

- a. Chi tiêu và thuế đồng biến với sản lượng
- b. Chi tiêu nghịch biến và thuế đồng biến với sản lượng
- c. Chi tiêu và thuế nghịch biến với sản lượng
- d. Chi tiêu độc lập và thuế đồng biến với sản lượng

**Câu 36:** Nếu quốc gia A có GDP là 100 tỷ USD, chi tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình là 60 tỷ USD, đầu tư tư nhân là 35 tỷ USD, chi tiêu chính phủ là 25 tỷ USD thì cán cân thương mại của quốc gia sẽ:

- a. Thâm hụt 20 tỷ USD
- b. Cân bằng
- c. Thặng dư 20 tỷ USD
- d. Không xác định được

**Câu 37:** Lạm phát chi phí đẩy sẽ làm cho:

- a. Sản lượng tăng
- b. Thất nghiệp tăng
- c. Không thay đổi sản lượng
- d. Thất nghiệp giảm

**Câu 38:** Đường Phillip dài hạn thể hiện:

- a. Mỗi quan hệ đồng biến giữa lạm phát và sản lượng
- b. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa lạm phát và thất nghiệp
- c. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa lãi suất và cung tiền
- d. Không có quan hệ ‘đánh đổi’ giữa lạm phát và thất nghiệp trong dài hạn

**Câu 39:** Chính sách mở rộng tài khoá nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp:

- a. Cơ cấu
- b. Cơ học hay tạm thời
- c. Theo mô hình cổ điển
- d. Chu kỳ

**Câu 40:** Để chống lạm phát do cầu kéo cần:

- a. Tăng lãi suất
- b. Giảm lãi suất
- c. Đầu tư đổi mới công nghệ
- d. Cắt giảm thuế

**Câu 41:** Việc điều chỉnh liên tục các thông tin kinh tế khi lạm phát xảy ra được coi là:

- a. Tác động phân phối lại
- b. Chi phí mòn giày
- c. Chi phí thực đơn
- d. Sự méo mó thông tin

**Câu 42:** Khoản tiền chính phủ mua trái phiếu của chính phủ nước ngoài sẽ được ghi vào cán cân thanh toán ở:

- a. Bên nợ tài khoản vãng lai
- b. Bên nợ tài khoản vốn
- c. Bên có tài khoản vãng lai
- d. Bên có tài khoản vốn

**Câu 43:** Chính sách can thiệp nhằm nâng giá đồng nội tệ thường sử dụng khi quốc gia:

- a. Thâm hụt thương mại nhiều
- b. Có tỷ lệ thất nghiệp cao
- c. SX phụ thuộc nguyên vật liệu nhập khẩu
- d. Thiếu hụt dự trữ ngoại tệ

**Câu 44:** Câu nào sau đây đúng:

- a. Tăng xuất khẩu sẽ làm tăng cung trên thị trường ngoại hối và làm tăng tỷ giá
- b. Tăng nhập khẩu sẽ làm tăng cung trên thị trường ngoại hối và làm tăng tỷ giá
- c. Đầu tư nước ngoài tăng sẽ làm tăng cung trên thị trường ngoại hối và làm giảm tỷ giá
- d. Đầu tư nước ngoài tăng sẽ làm tăng cung trên thị trường ngoại hối và làm tăng tỷ giá

**Câu 45:** Nếu lạm phát trong nước cao hơn nước ngoài thì tỷ giá thực tế sẽ ... và khả năng cạnh tranh của quốc gia sẽ ...:

- a. Giảm, tăng
- b. Tăng, giảm
- c. Giảm, giảm
- d. Tăng, tăng

**Câu 46:** Trong cơ chế tỷ giá thả nổi hoàn toàn thì:

- a. Cán cân thanh toán luôn cân bằng, tài trợ chính thức bằng nhưng ngược dấu với 3 khoản mục trên
- b. Cán cân thanh toán có thể thặng dư hoặc thâm hụt, tài trợ chính thức bằng không

- c. Cán cân thanh toán luôn cân bằng, tài trợ chính thức bằng không
- d. Cán cân thanh toán có thể thặng dư hoặc thâm hụt, tài trợ chính thức bằng nhưng ngược dấu với 3 khoản mục trên

**HẾT**